

Số: 551 /ĐHK-TCKHĐT

V/v xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn
2026 -2030

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 9 năm 2024

Kính gửi: Vụ Kế hoạch - Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 5269/BGDĐT-KHTC ngày 11 tháng 9 năm 2024 về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030;

Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH) xin báo cáo các nội dung liên quan đến xây dựng kế hoạch đầu tư công như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025, TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG CỦA CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

a) Bối cảnh, việc quản lý, triển khai và chấp hành quy định của pháp luật, chủ trương của Quốc hội, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ GDĐT về đầu tư công giai đoạn 2021-2025.

Kế hoạch đầu tư công của Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2025 được xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển cơ sở vật chất của Nhà trường trong bối cảnh nâng cao chất lượng đào tạo, hội nhập quốc tế và định hướng của một đại học nghiên cứu phát triển đa ngành, bền vững.

Kế hoạch đầu tư được xây dựng trên cơ sở các quy định của pháp luật về đầu tư công đảm bảo tính phù hợp, hiệu quả trong đầu tư. Các dự án được đầu tư tại các cơ sở thuộc Trường đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch chi tiết phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường và địa phương

Các hoạt động quản lý dự án luôn được chấp hành một cách đầy đủ, chi tiết theo quy định. Các dự án được xây dựng kế hoạch triển khai phù hợp nhằm sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

b) Tình hình giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo ngành, lĩnh vực, chương trình, nhiệm vụ, dự án theo từng nguồn vốn (vốn ngân sách nhà nước, vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (nếu có)).

Kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 của Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh (có 3 dự án) được báo cáo, đăng ký kế hoạch đầu tư công và Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt tại Quyết định số 1613/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 5 năm 2021.

Căn cứ kế hoạch đầu tư công được giao, Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh

lập kế hoạch đầu tư chi tiết theo tiến độ phù hợp. Trong đó:

Dự án Xây dựng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh - cơ sở Nam Thành phố giai đoạn 2: Dự án được giao kế hoạch vốn lũy kế đến nay là 191.808 triệu đồng (năm 2021: 79.813 triệu đồng, năm 2022: 111.995 triệu đồng). Tuy nhiên, tiến độ dự án bị ảnh hưởng bởi một số khó khăn trong quá trình đầu tư xây dựng vì vậy năm 2023 Bộ Giáo dục và Đào tạo không giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư. Dự kiến năm 2024, dự án sẽ giải ngân số vốn kế hoạch dự án đã được giao và năm 2025 tiếp tục thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn còn lại của dự án

Dự án đầu tư xây dựng cơ sở Đào tạo, nghiên cứu tại Nha Trang: Dự án được triển khai các hồ sơ từ khi được giao kế hoạch đầu tư, đến nay đã hoàn thành công tác thiết kế dự án và chuẩn bị các kế hoạch tiếp theo của dự án theo quy định. Dự án chưa được giao kế hoạch vốn do tiến độ dự án bị ảnh hưởng. Dự kiến kế hoạch vốn năm 2024 sẽ được giao bổ sung và dự án chuyển tiếp sang hoàn thành vào quý 4 năm 2026.

Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Phân hiệu Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tại Vĩnh Long: Đến nay đã hoàn thành giao đất và triển khai hoàn thành thi tuyển phương án kiến trúc. Dự án chưa giao kế hoạch vốn và dự kiến khởi công năm 2025, chuyển tiếp hoàn thành quý 1 năm 2027

c) Về tình hình thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước đến hết giai đoạn 2021-2025 theo từng nguồn vốn:

Các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh được sử dụng nguồn vốn từ nguồn thu hợp pháp của đơn vị để giành đầu tư và không xảy ra tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản nhưng chưa được bố trí vốn. Căn cứ kế hoạch thực hiện, các khoản kinh phí tạm ứng nếu có sẽ được thu hồi hết trong giai đoạn đầu tư và trước khi hoàn thành quyết toán dự án.

d) Báo cáo rà soát, đánh giá các chương trình, dự án đầu tư cơ sở vật chất đã, đang được thực hiện trong 10 năm (2015-2025) sử dụng vốn ngân sách nhà nước (vốn ngân sách trung ương) cho chi đầu tư phát triển, bao gồm vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài đưa vào cân đối ngân sách trung ương cho chi đầu tư phát triển, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa cân đối vào ngân sách nhà nước: Không có

đ) Xác định danh mục dự án và kế hoạch đầu tư công chi tiết theo từng nguồn vốn tương ứng (chi tiết dự án quan trọng quốc gia, nhóm A, B, C; không bao gồm nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia), cụ thể:

- Danh mục dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa được bố trí đủ vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm (chi tiết số vốn giao và giải ngân hằng năm): Không có

- Danh mục dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2025 theo tiến độ:

+ Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Phân hiệu Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tại Vĩnh Long

- Danh mục dự án đã được giao kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021- 2025 nhưng chưa được giao kế hoạch đầu tư công hằng năm (không bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư):

+ Dự án Xây dựng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh - cơ sở Nam Thành phố giai đoạn 2: Dự án được giao kế hoạch vốn lũy kế đến nay là 191.808 triệu đồng

(năm 2021: 79.813 triệu đồng, năm 2022: 111.995 triệu đồng).

+ Dự án đầu tư xây dựng cơ sở Đào tạo, nghiên cứu tại Nha Trang: Dự án được triển khai các hồ sơ từ khi được giao kế hoạch đầu tư, đến nay đã hoàn thành công tác thiết kế dự án và chuẩn bị các kế hoạch tiếp theo của dự án theo quy định. Dự án chưa được giao kế hoạch vốn do tiến độ dự án bị ảnh hưởng.

- Danh mục dự án sử dụng vốn nước ngoài đã ký Hiệp định, đã được gia hạn Hiệp định vay nhưng chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; danh mục dự án sử dụng vốn nước ngoài có Hiệp định vay hết thời hạn trước 31/12/2025 nhưng vẫn còn thời hạn báo cáo chi tiêu hoàn chứng từ theo quy định của nhà tài trợ: Không có

e) Đối với nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư: báo cáo cụ thể nguồn thu được để lại theo quy định của pháp luật bố trí cho đầu tư; tình hình phân bổ, điều chỉnh, thực hiện, giải ngân vốn cho các nhiệm vụ, dự án.

Các dự án đầu tư thuộc kế hoạch đầu tư trung hạn được đảm bảo từ nguồn thu hợp pháp của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tích lũy dùng cho hoạt động đầu tư cơ sở vật chất. Chi tiết nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp được bố trí hàng năm phục vụ đầu tư như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Nội dung | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 |
|-----|----------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 1 | Số dư đầu năm | 255.643 | 394.642 | 309.062 | 199.093 | 311.062 |
| 2 | Số trích trong năm | 200.196 | 75.753 | 225.387 | 220.364 | 240.377 |
| 3 | Số sử dụng trong năm | 61.196 | 161.334 | 335.355 | 108.395 | 46.762 |
| 4 | Số dư cuối năm | 394.642 | 309.062 | 199.093 | 311.062 | 504.677 |

g) Tình hình huy động các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác phục vụ cho đầu tư phát triển; tình hình thực hiện, giải ngân các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP) trong giai đoạn 2021-2025 (bao gồm: vốn ngân sách nhà nước, vốn của nhà đầu tư).

Để đảm bảo nguồn lực tài chính ổn định, bền vững và thúc đẩy phát triển đầu tư cho giáo dục, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh tiếp cận các nguồn vay vốn ưu đãi của địa phương nhằm hỗ trợ cho hoạt động đầu tư nhằm giảm áp lực tài chính trong giai đoạn đầu tư đối với đơn vị. Cụ thể:

+ Dự án Xây dựng Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh - cơ sở Nam Thành phố giai đoạn 2: Tổng mức đầu tư 246.855 triệu đồng, trong đó Vốn vay từ chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh là 100.000 triệu đồng (Thời gian vay 7 năm, hỗ trợ 100% lãi suất).

+ Dự án đầu tư xây dựng cơ sở Đào tạo, nghiên cứu tại Nha Trang: Tổng mức đầu tư 294.334 triệu đồng, trong đó Vốn vay ưu đãi từ Quỹ đầu tư Khánh Hòa là 120.000 triệu đồng (Thời gian vay 7 năm, hỗ trợ 50% lãi suất).

h) Đánh giá kết quả đạt được, hiệu quả đầu tư dự án, năng lực tăng thêm. Đánh giá

tính khả thi và dự kiến mức độ hoàn thành kế hoạch so với mục tiêu đã được cấp có thẩm quyền giao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo từng nguồn vốn.

i) Làm rõ hạn chế, khó khăn, vướng mắc; Nguyên nhân (khách quan, chủ quan); Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Bài học kinh nghiệm; Đề xuất, kiến nghị (kể cả các giải pháp, kiến nghị về cơ chế chính sách cần triển khai trong thời gian còn lại của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 nhằm thực hiện hiệu quả các mục tiêu đề ra, nếu có).

2. Đối với 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, đơn vị chủ trì chương trình, chủ dự án thành phần, cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình: không có

3. Đối với Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

Các đơn vị đánh giá tình hình sử dụng vốn đầu tư công của Chương trình, bao gồm các nội dung sau:

- Tên dự án: Dự án thành phần 04 "Đầu tư trang thiết bị ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số và xây dựng khóa học trực tuyến phục vụ đào tạo trình độ đại học, nhóm ngành kinh doanh và quản lý"

- Tổng số vốn đầu tư công của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao cho đơn vị: 39.255 triệu đồng

- Tình hình phân bổ, thực hiện, giải ngân vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình trong kế hoạch đầu tư công hằng năm (báo cáo cụ thể về tình hình điều chỉnh vốn kế hoạch giữa nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình cho nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, việc hoàn trả vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm cho nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình): Kế hoạch vốn được phân bổ đầy đủ đảm bảo tiến độ dự án. Tuy nhiên, do tiến độ thực hiện dự án kéo dài sang năm 2024 nên kế hoạch vốn được điều chỉnh kéo dài đến 31/12/2024.

- Kết quả đạt được: Dự án được đầu tư với mục tiêu Tăng cường năng lực và nâng cao chất lượng đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học trên môi trường số. Dự án có quy mô gồm: Đầu tư trang thiết bị 24 phòng học thông minh phục vụ chuyển đổi số; Đầu tư trang thiết bị 02 phòng studio phục vụ xây dựng học liệu số; Xây dựng 15 học liệu điện tử, khóa học trực tuyến dùng chung trình độ đại học, nhóm ngành kinh doanh và quản lý. Kết quả dự án góp phần nâng cao năng lực chuyển đổi số và chất lượng đào tạo của Nhà trường. Dự án đảm bảo các công tác về quản lý, chất lượng và hoàn thành trong năm 2024

II. TRIỂN KHAI LẬP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030

1. Đề xuất đủ vốn dự án chuyển tiếp dự kiến hoàn thành sau năm 2025:

Dự án đầu tư xây dựng cơ sở Đào tạo, nghiên cứu tại Nha Trang bị ảnh hưởng tiến độ so với kế hoạch vì các hồ sơ pháp lý làm cơ sở triển khai dự án nên dự án dự kiến hoàn thành năm 2026

Dự án Xây dựng cơ sở 2 Phân hiệu Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh tại Vĩnh Long: Dự án chuyển tiếp sang khởi công từ năm 2025 do các hoạt động chuẩn bị đầu tư chậm so với đề xuất và dự kiến hoàn thành năm 2027

Các dự án chưa được giao kế hoạch vốn do chưa xây dựng kế hoạch thi công, tiến độ giải ngân. Để đảm bảo tiến độ thực hiện dự án và giải ngân vốn đầu tư dự án hiệu quả, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất giao kế hoạch vốn bổ sung và chuyển tiếp kế hoạch sang giai đoạn 2026 – 2030

2. Đề xuất vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của Luật Đầu tư công.

Với định hướng phát triển cơ sở vật chất hiện đại, thông minh và phục vụ các chương trình đào tạo các khối ngành công nghệ, Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh định hướng đầu tư thiết bị xây dựng phòng học thông minh; Đầu tư thiết bị các phòng thí nghiệm, thực hành thuộc các khối ngành công nghệ phục vụ đào tạo các chương trình đào tạo; Đầu tư xây dựng học liệu điện tử các môn học thuộc các chương trình đào tạo của trường.

Bên cạnh đó, thực hiện chỉ đạo về việc di dời các trường Đại học ra ngoại thành thành phố, Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh xác định trọng tâm đầu tư mở rộng cơ sở vật chất tại cơ sở Đường Nguyễn Văn Linh, Khu chức năng số 15, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh là định hướng cần thiết và ưu tiên trong kế hoạch đầu tư. Để làm được điều này, cần đầu tư hoàn chỉnh các công trình theo quy hoạch được duyệt trong tổng thể cơ sở nhằm đảm bảo phục vụ đầy đủ nhu cầu học tập, lưu trú của sinh viên, giảng dạy, làm việc của viên chức, giảng viên và hướng đến một đại học xanh, thân thiện môi trường. Do đó, từ nay đến 2030, Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh xác định cần đầu tư các hạng mục như sau: Khối Giảng đường với diện tích sàn 17.366m², Khối nhà nghiên cứu đào tạo với diện tích sàn 17.488m², Khối nhà Thư viện với diện tích sàn 4.507m², khối nhà ký túc xá số 3 với diện tích sàn là 28.285m² và hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ chung, hệ thống thiết bị phục vụ hoạt động. Từ 2031-2035 Trường tiếp tục đầu tư các hạng mục công trình còn lại theo quy hoạch.

Với định hướng phát triển, kế hoạch đầu tư như trên và nguồn lực giới hạn việc đầu tư tổng thể cơ sở vật chất là một thách thức lớn với Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Việc đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục công trình trong tổng thể quy hoạch được duyệt đáp ứng quy mô đào tạo ngày càng mở rộng theo định hướng và chiến lược phát triển của Trường, không chỉ đáp ứng sự gia tăng quy mô về số lượng sinh viên mà còn đáp ứng chiến lược đa ngành, đa lĩnh vực và phát triển bền vững. Ngoài ra, với định hướng phát triển là một Đại học trọng điểm và cạnh tranh với các nước trong khu vực Châu Á, việc đầu tư là hết sức cần thiết để phát triển chất lượng cũng như số lượng cơ sở vật chất, thiết bị. Với giới hạn nguồn lực tài chính tích lũy có giới, nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị không thể nào đáp ứng được nhu cầu đầu tư trong giai đoạn đến 2035. Do đó, nguồn Ngân sách nhà nước hỗ trợ mang yếu tố quyết định trong việc thúc đẩy chiến lược phát triển này. Đầu tư từ nguồn Ngân sách còn thể hiện sự đầu tư của Nhà nước cho Giáo dục và thúc đẩy giáo dục chất lượng cao phát triển.

Chi tiết nội dung đề xuất kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 như sau:

a) Các dự án đầu tư

a1) Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở đào tạo – Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

* **Quy mô đầu tư dự kiến:** Quy mô đầu tư đáp ứng 2500 sinh viên/ca học và 1200 sinh viên nội trú. Chi tiết:

- Xây dựng Khối nghiên cứu đào tạo: Quy mô 5 tầng, diện tích xây dựng 4.386m², tổng diện tích sàn khối nhà là 17.488m², chiều cao đến mái công trình là 19m.

- Xây dựng Khối thư viện: Quy mô 4 tầng, diện tích xây dựng 1.684,4m², tổng diện tích sàn khối nhà là 4.506,56m², chiều cao đến mái công trình là 19,5m.

- Xây dựng Khối giảng đường 2: Quy mô 5 tầng, diện tích xây dựng 8.351m², tổng diện tích sàn khối nhà là 23.168m², chiều cao đến mái công trình là 23,5m.

- Xây dựng KTX 3: Quy mô 10 tầng, diện tích xây dựng 4.111,5m², tổng diện tích sàn khối nhà là 28.285m², chiều cao đến mái công trình là 36,7m.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm: San nền, Kè rạch, đường giao thông nội bộ, hệ thống tường rào bao quanh trường, nhà bảo vệ...

- Đầu tư hệ thống thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, nội thất văn phòng làm việc và các thiết bị phục vụ khác.

* Tổng mức đầu tư dự kiến: 1.032.446.086.000 đồng

Thời gian thực hiện dự án:

+ Thời gian thực hiện chuẩn bị đầu tư: 18 tháng (2025-2026)

+ Thời gian thực hiện dự án: 48 tháng (2026-2030)

+ Thời gian nghiệm thu hoàn thành, quyết toán hoàn thành dự án đầu tư: 3 tháng (năm 2030)

a2) Dự án Đầu tư mua sắm trang thiết bị công nghệ phục vụ chuyển đổi số và nâng cao chất lượng đào tạo

* **Quy mô đầu tư dự kiến:**

- Đầu tư trang thiết bị 100 phòng học thông minh

- Thiết bị xây dựng phòng thí nghiệm, thực hành tự động hóa, Robot, AI và Công nghệ bán dẫn

+ Phòng thí nghiệm điều khiển thông minh và tự động hóa

+ Phòng thí nghiệm công nghệ bán dẫn

- Thiết bị xây dựng phòng mô phỏng, thí nghiệm thuộc lĩnh vực công nghệ đổi mới sáng tạo

+ Phòng thí nghiệm mô phỏng không gian thành phố

+ Khu thí nghiệm phương tiện không người lái và cảm biến IoT đường phố

+ Phòng thí nghiệm giả lập khí hậu, môi trường và phát thải

+ Phòng thí nghiệm giao tiếp và trực quan hóa đổi mới sáng tạo.

* Tổng mức đầu tư dự kiến: 162.025.733.800 đồng

Thời gian thực hiện dự án:

- + Thời gian thực hiện chuẩn bị đầu tư: 12 tháng (2025)
- + Thời gian thực hiện dự án: 18 tháng (2026-2027)
- + Thời gian nghiệm thu hoàn thành, quyết toán hoàn thành dự án đầu tư: 3 tháng (năm 2027)

b) Kết quả đầu tư dự án:

Các dự án sau khi đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ góp phần nâng cao năng lực của cơ sở giáo dục với định hướng phát triển đa ngành bền vững và hội nhập quốc tế. Dự án mang lại một hệ thống cơ sở vật chất tập trung phù hợp với quy mô đào tạo, năng lực đào tạo và chất lượng đào tạo.

Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh là Đại học trong điểm trong cả nước cùng định hướng phát triển đa ngành, bền vững và có uy tín trong khu vực Đông Nam Á, khu vực Châu Á. Kết quả đầu tư dự án sẽ mang lại cho Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh hệ thống cơ sở vật chất xứng tầm và khẳng định uy tín, chất lượng đào tạo.

Bên cạnh đó, việc đầu tư các dự án như trên hoàn toàn phù hợp với quy hoạch chi tiết được phê duyệt về đầu tư xây dựng và phù hợp với định hướng quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục đào tạo đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2050.

* Kết quả dự kiến của dự án đầu tư:

- Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở đào tạo – Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

+ Xây dựng Khối nghiên cứu đào tạo: Quy mô 5 tầng, diện tích xây dựng 4.386m², tổng diện tích sàn khối nhà là 17.488m², chiều cao đến mái công trình là 19m.

+ Xây dựng Khối thư viện: Quy mô 4 tầng, diện tích xây dựng 1.684,4m², tổng diện tích sàn khối nhà là 4.506,56m², chiều cao đến mái công trình là 19,5m.

+ Xây dựng Khối giảng đường 2: Quy mô 5 tầng, diện tích xây dựng 8.351m², tổng diện tích sàn khối nhà là 23.168m², chiều cao đến mái công trình là 23,5m.

+ Xây dựng KTX 3: Quy mô 10 tầng, diện tích xây dựng 4,111,5m², tổng diện tích sàn khối nhà là 28.285m², chiều cao đến mái công trình là 36,7m.

+ Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm: San nền, Kè rạch, đường giao thông nội bộ, hệ thống tường rào bao quanh trường, nhà bảo vệ...

+ Đầu tư hệ thống thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, nội thất văn phòng làm việc và các thiết bị phục vụ khác.

- Dự án Đầu tư mua sắm trang thiết bị công nghệ phục vụ chuyển đổi số và nâng cao chất lượng đào tạo

+ Đầu tư trang thiết bị 100 phòng học thông minh

+ Thiết bị xây dựng phòng thí nghiệm, thực hành tự động hóa, Robot, AI và Công nghệ bán dẫn: Phòng thí nghiệm điều khiển thông minh và tự động hóa; Phòng thí nghiệm công nghệ bán dẫn

+ Thiết bị xây dựng phòng mô phỏng, thí nghiệm thuộc lĩnh vực công nghệ đổi mới sáng tạo: Phòng thí nghiệm mô phỏng không gian thành phố; Khu thí nghiệm phương tiện không người lái và cảm biến IoT đường phố; Phòng thí nghiệm giả lập khí hậu, môi trường và phát thải; Phòng thí nghiệm giao tiếp và trực quan hóa đổi mới sáng tạo.

d) Cơ cấu nguồn vốn đề xuất đầu tư:

Đơn vị tính: triệu đồng

| STT | Dự án | Tổng mức đầu tư | Nguồn vốn | |
|-----|--|---------------------|-------------------|-------------------------------|
| | | | NSTW | Nguồn thu hợp pháp của đơn vị |
| 1 | Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở đào tạo – Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh | 1.032.446,086 | 825.956,87 | 206.489,216 |
| 2 | Dự án Đầu tư mua sắm trang thiết bị công nghệ phục vụ chuyển đổi số và nâng cao chất lượng đào tạo | 162.025,733 | 129.620,59 | 32.405,15 |
| | Tổng | 1.194.472,82 | 955.577,46 | 238.894,36 |

(Đính kèm các phụ lục báo cáo theo công văn này)

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu: VT, TCKHĐT

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



GS.TS. Nguyễn Khắc Quốc Bảo



Phụ lục: Thống kê hiện trạng và nhu cầu đầu tư

| STT | CHỨC DANH | Đơn vị tính | Định mức | Nhu cầu theo năng lực hiện hữu | | Nhu cầu theo năng lực dự kiến đến 2030 | | Hiện trạng cơ sở vật chất | Nhu cầu bổ sung theo năng lực hiện nay | Nhu cầu bổ sung đến 2030 |
|-----|---|-------------|----------|--------------------------------|-----------|--|-----------|---------------------------|--|--------------------------|
| | | | | Số lượng | Diện tích | Số lượng | Diện tích | Diện tích | Diện tích | Diện tích |
| | Quy mô đào tạo chính quy | | | 25.495 | | 28.000 | | | | |
| 1 | Phòng học | | | | 63.725 | | 70.100 | 24.420 | 39.305 | 45.680 |
| | Phòng học quy mô 50 chỗ | m2/người | 2,5 | 433 | 54.125 | 476 | 59.500 | - | 54.125 | 59.500 |
| | Phòng học quy mô 70 chỗ | m2/người | 2,5 | 36 | 6.300 | 40 | 7.000 | - | 6.300 | 7.000 |
| | Phòng học quy mô 120 chỗ | m2/người | 2,5 | 11 | 3.300 | 12 | 3.600 | - | 3.300 | 3.600 |
| 2 | Phòng thực hành máy tính | m2/phòng | 125 | 36 | 4.500 | 40 | 5.000 | 1.119 | 3.381 | 3.881 |
| 3 | Phòng nghỉ giáo viên | m2/phòng | 40 | 65 | 2.600 | 90 | 3.600 | 1.852 | 748 | 1.748 |
| 4 | Phòng họp | m2/phòng | 50 | 25 | 1.250 | 30 | 1.500 | 1.168 | 82 | 332 |
| 5 | Hội trường | m2/người | 0,2 | 25.495 | 5.099 | 28.000 | 5.600 | 2.479 | 2.620 | 3.121 |
| 6 | Khu vực chung tự học giành cho sinh viên | m2/người | 0,5 | 25.495 | 12.748 | 28.000 | 14.000 | 3.120 | 9.628 | 10.880 |
| 7 | Phòng y tế | m2/phòng | 80 | 10 | 800 | 10 | 800 | - | 800 | 800 |
| 8 | Thư viện | m2/người | 0,5 | 25.495 | 12.748 | 28.000 | 14.000 | 3.587 | 9.161 | 10.413 |
| 9 | Khu dịch vụ tổng hợp (căn tin, giặt sấy,..) | m2/người | 0,2 | 25.495 | 5.099 | 28.000 | 5.600 | 1.037 | 4.062 | 4.563 |
| 10 | Khu vực để xe sinh viên | m2/người | 0,5 | 25.495 | 12.748 | 28.000 | 7.000 | 5.343 | 7.405 | 1.657 |

| STT | CHỨC DANH | Đơn vị tính | Định mức | Nhu cầu theo năng lực hiện hữu | | Nhu cầu theo năng lực dự kiến đến 2030 | | Hiện trạng cơ sở vật chất | Nhu cầu bổ sung theo năng lực hiện nay | Nhu cầu bổ sung đến 2030 |
|-----|---------------------------|-------------|----------|--------------------------------|----------------|--|----------------|---------------------------|--|--------------------------|
| | | | | Số lượng | Diện tích | Số lượng | Diện tích | Diện tích | Diện tích | Diện tích |
| 11 | Phòng thực hành công nghệ | m2/phòng | 150 | 5 | 750 | 8 | 1.200 | - | 750 | 1.200 |
| 12 | Khu vực thực hành mô hình | m2/khu vực | 300 | 2 | 600 | 4 | 1.200 | - | 600 | 1.200 |
| 13 | Phòng nội trú KTX | m2/phòng | 45 | 1.275 | 57.364 | 1.400 | 63.000 | 18.983 | 38.381 | 44.017 |
| 14 | Khu giáo dục thể chất | m2/người | 2 | 25.495 | 50.990 | 28.000 | 56.000 | 15.086 | 35.904 | 40.914 |
| 13 | Phòng làm việc | | | | 10.721 | | 13.253 | 12.406 | (1.685) | 847 |
| | Tổng cộng | | | | 241.740 | | 261.853 | 66.180 | 175.561 | 195.673 |



| STT | Danh mục công trình, hạng mục công trình | Quy hoạch đang trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt | | | Hiện trạng cơ sở vật chất/đang đầu tư xây dựng | | | | Kế hoạch đầu tư dự kiến giai đoạn 2026-2030 | | | Ghi chú |
|----------|--|---|-----------------------------|-----------------------------|--|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|---|-----------------------------|-----------------------------|---------|
| | | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Số lượng Phòng học/hội trường | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | |
| | Giảng đường 1 | | 5.198 | 16.754 | 55 | 5.198 | 5.198 | 16.753,7 | | | | |
| | Phòng làm việc | | | | | | | | | | | |
| | Phòng học | | | | 55 | | | 5.263,0 | | | | |
| | Phòng thực hành máy tính | | | | 3 | | | 323,1 | | | | |
| | Phòng nghỉ giáo viên | | | | 20 | | | 658,0 | | | | |
| | Khu vực chung tự học giành cho sinh viên | | | | 1 | | | 233,0 | | | | |
| | Khu vực chung (hành lang, cầu thang,...) | | | | | | | 10.276,6 | | | | |
| | Giảng đường 2 | | 5.475 | 17.366 | | | | | 5.475 | 5.475 | 17.366 | |
| 4 | Khu nghiên cứu | | | | | | | | | | | |
| | Khối nhà nghiên cứu đào tạo | | 4.386 | 17.488 | | | | | 4.386 | 4.386 | 17.488 | |
| 4 | Nhà đa năng | | | | | | | | | | | |
| 1 | Khu giáo dục thể chất | | 3.061 | 4.740 | | | | 2.370,1 | | | | |
| 5 | Khu phụ trợ | | | | | | | | 1.813 | 1.813 | 4.863 | |
| 1 | Khối KTX 1 | | 1.813 | 4.863 | | | | | | | 3.000 | |

| STT | Danh mục công trình, hạng mục công trình | Quy hoạch đang trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt | | | Hiện trạng cơ sở vật chất/đang đầu tư xây dựng | | | | Kế hoạch đầu tư dự kiến giai đoạn 2026-2030 | | | Ghi chú |
|-----|--|---|-----------------------------|-----------------------------|--|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|---|-----------------------------|-----------------------------|---------|
| | | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Số lượng Phòng học/hội trường | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | |
| | Phòng nội trú KTX | | | | | | | | | | 1.863 | |
| | Khu vực chung (hành lang, cầu thang,...) | | | | | | | | | | | |
| 2 | Khối KTX 2 | | 2.618 | 20.135 | | 2.618 | 2.618 | 20.134,5 | | | | |
| | Phòng nội trú KTX | | | | 200 | | | 9.000,0 | | | | |
| | Khu vực chung (hành lang, cầu thang,...) | | | | | | | 11.134,5 | | | | |
| 3 | Khối KTX 3 | | 4.112 | 28.285 | | | | | 4.112 | 4.112 | 28.285 | |
| | Phòng nội trú KTX | | | | | | | | | | 11.250 | |
| | Khu vực chung (hành lang, cầu thang,...) | | | | | | | | | | 17.035 | |
| 4 | Khu hạ tầng kỹ thuật | | 655 | 655 | | | | | | | | |
| 5 | Khối cổng chào | | 180 | 180 | | | | | | | | |
| 6 | Hệ thống hạ tầng kỹ thuật | | 80.755 | | | | | | 24.226 | | | |
| II | 59c Nguyễn Đình Chiểu, phường 6, quận 3 | 4.287,4 | 4.287,4 | 11.408,0 | | | | 11.408,0 | | | | |

| STT | Danh mục công trình, hạng mục công trình | Quy hoạch đang trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt | | | Hiện trạng cơ sở vật chất/đang đầu tư xây dựng | | | | Kế hoạch đầu tư dự kiến giai đoạn 2026-2030 | | | Ghi chú |
|------------|---|---|-----------------------------|-----------------------------|--|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|---|-----------------------------|-----------------------------|---------|
| | | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Số lượng Phòng học/hội trường | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | |
| | Phòng làm việc | | | | 42,0 | 4.287,4 | 4.287,4 | 2.565,3 | | | | |
| | Phòng học | | | | 26 | | | 2.878,7 | | | | |
| | Hội trường | | | | 1 | | | 651,6 | | | | |
| | Phòng nghỉ giáo viên | | | | 1 | | | 19,8 | | | | |
| | Khu vực chung tự học giành cho sinh viên | | | | 1 | | | 555,5 | | | | |
| | Khu vực để xe sinh viên | | | | | | | 893,2 | | | | |
| | Khu vực chung (hành lang, cầu thang,...) | | | | | | | 4.737,1 | | | | |
| III | 279 Nguyễn Tri Phương, phường 5, quận 10 | 5.441,9 | 5.441,9 | 32.965,6 | | 5.441,9 | 5.441,9 | 32.965,6 | | | | |
| | Phòng làm việc | | | | 40,0 | | | 4.831,0 | | | | |
| | Phòng học | | | | 94 | | | 7.215,7 | | | | |
| | Phòng thực hành máy tính | | | | 10 | | | 796,2 | | | | |
| | Hội trường | | | | 1 | | | 398,0 | | | | |

| STT | Danh mục công trình, hạng mục công trình | Quy hoạch đang trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt | | | Hiện trạng cơ sở vật chất/đang đầu tư xây dựng | | | | Kế hoạch đầu tư dự kiến giai đoạn 2026-2030 | | | Ghi chú |
|-----------|---|---|-----------------------------|-----------------------------|--|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|---|-----------------------------|-----------------------------|---------|
| | | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Số lượng Phòng học/hội trường | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | |
| | Thư viện | | | | 8 | | | 1.531,8 | | | | |
| | Khu dịch vụ tổng hợp (căn tin, giặt sấy,..) | | | | 1 | | | 153,0 | | | | |
| | Phòng nghỉ giáo viên | | | | 10 | | | 494,1 | | | | |
| | Khu vực chung tự học giành cho sinh viên | | | | 2 | | | 1.346,3 | | | | |
| | Khu vực để xe sinh viên | | | | | | | 4.024,6 | | | | |
| | Khu vực chung (hành lang, cầu thang,...) | | | | | | | 12.174,9 | | | | |
| IV | 91 đường 3 Tháng 2, phường 11, quận 10 | 1.077,6 | 1.077,6 | 2.392,0 | | 1.077,6 | 1.077,6 | 2.392,0 | | | | |
| | Phòng làm việc | | | | 2,0 | | | 38,6 | | | | |
| | Phòng học | | | | 14 | | | 744,4 | | | | |
| | Phòng họp | | | | 1 | | | 37,2 | | | | |
| | Phòng nghỉ giáo viên | | | | 2 | | | 77,3 | | | | |
| | Khu vực chung tự học giành cho sinh viên | | | | 1 | | | 53,4 | | | | |

| STT | Danh mục công trình, hạng mục công trình | Quy hoạch đang trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt | | | Hiện trạng cơ sở vật chất/đang đầu tư xây dựng | | | | Kế hoạch đầu tư dự kiến giai đoạn 2026-2030 | | | Ghi chú |
|-----|---|---|-----------------------------|-----------------------------|--|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|---|-----------------------------|-----------------------------|---------|
| | | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Số lượng Phòng học/hội trường | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | |
| | Thư viện | | | | 1 | | | 64,5 | | | | |
| | Khu vực chung (hành lang, cầu thang,...) | | | | | | | 1.376,6 | | | | |
| V | 196 Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1 | 800,5 | 800,5 | 2.241,0 | | 800,5 | 800,5 | 2.241,0 | | | | |
| | Phòng làm việc | | | | 2,0 | | | 71,0 | | | | |
| | Phòng học | | | | 15 | | | 792,2 | | | | |
| | Hội trường | | | | 1 | | | 12,7 | | | | |
| | Phòng nghỉ giáo viên | | | | 2 | | | 37,1 | | | | |
| | Khu vực chung tự học giành cho sinh viên | | | | 1 | | | 460,7 | | | | |
| | Thư viện | | | | | | | | | | | |
| | Khu vực chung (hành lang, cầu thang,...) | | | | | | | 867,3 | | | | |
| VI | 54 Nguyễn Văn Thủ, phường Đakao, quận 1 | 485,7 | 485,7 | 2.728,0 | | 485,7 | 485,7 | 2.728,0 | | | | |
| | Phòng làm việc | | | | 2,0 | | | 23,1 | | | | |

| STT | Danh mục công trình, hạng mục công trình | Quy hoạch đang trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt | | | Hiện trạng cơ sở vật chất/đang đầu tư xây dựng | | | | Kế hoạch đầu tư dự kiến giai đoạn 2026-2030 | | | Ghi chú |
|------------|---|---|-----------------------------|-----------------------------|--|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|---|-----------------------------|-----------------------------|---------|
| | | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Số lượng Phòng học/hội trường | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | |
| | Phòng học | | | | 27 | | | 1.287,2 | | | | |
| | Phòng họp | | | | | | | - | | | | |
| | Phòng nghỉ giáo viên | | | | 1 | | | 28,0 | | | | |
| | Khu vực chung tự học giành cho sinh viên | | | | 1 | | | 147,2 | | | | |
| | Thư viện | | | | | | | | | | | |
| | Khu vực để xe sinh viên | | | | | | | 44,5 | | | | |
| | Khu vực chung (hành lang, cầu thang,...) | | | | | | | 1.242,5 | | | | |
| VII | 1A Hoàng Diệu, phường 10, quận Phú Nhuận | 520,3 | 520,3 | 1.724,0 | | 520,3 | 520,3 | 1.724,0 | | | | |
| | Phòng làm việc | | | | 13,0 | | | 227,5 | | | | |
| | Phòng học | | | | 10 | | | 625,6 | | | | |
| | Phòng họp | | | | 1 | | | 76,5 | | | | |
| | Phòng nghỉ giáo viên | | | | 2 | | | 40,5 | | | | |

| STT | Danh mục công trình, hạng mục công trình | Quy hoạch đang trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt | | | Hiện trạng cơ sở vật chất/đang đầu tư xây dựng | | | | Kế hoạch đầu tư dự kiến giai đoạn 2026-2030 | | | Ghi chú |
|-------------|---|---|-----------------------------|-----------------------------|--|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|---|-----------------------------|-----------------------------|---------|
| | | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Số lượng Phòng học/hội trường | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | |
| | Khu vực chung tự học giành cho sinh viên | | | | | | | | | | | |
| | Thư viện | | | | 1 | | | 87,7 | | | | |
| | Khu vực để xe sinh viên | | | | | | | 84,3 | | | | |
| | Khu vực chung (hành lang, cầu thang,...) | | | | | | | 666,2 | | | | |
| VIII | 135 Trần Hưng Đạo, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1 | 661,7 | 661,7 | 6.961,0 | | 661,7 | 661,7 | 6.961,0 | | | | |
| | Phòng nội trú KTX | | | | 90,0 | | | 2.519,4 | | | | |
| | Phòng làm việc | | | | 11,0 | | | 1.221,4 | | | | |
| | Khu vực chung tự học giành cho sinh viên | | | | | | | 151,8 | | | | |
| | Khu vực chung (hành lang, cầu thang,...) | | | | | | | 3.068,4 | | | | |
| IX | 43-45 Nguyễn Chí Thanh, phường 9, quận 5 | 881,8 | 881,8 | 4.624,6 | | 881,8 | 881,8 | 4.624,6 | | | | |
| | Phòng nội trú KTX | | | | 71,0 | | | 2.287,6 | | | | |
| | Phòng làm việc | | | | 4,0 | | | 109,8 | | | | |

| STT | Danh mục công trình, hạng mục công trình | Quy hoạch đang trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt | | | Hiện trạng cơ sở vật chất/đang đầu tư xây dựng | | | | Kế hoạch đầu tư dự kiến giai đoạn 2026-2030 | | | Ghi chú |
|-----|---|---|-----------------------------|-----------------------------|--|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|---|-----------------------------|-----------------------------|---------|
| | | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Số lượng Phòng học/hội trường | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | |
| | Khu vực chung tự học giành cho sinh viên | | | | 1,0 | | | 171,8 | | | | |
| | Khu dịch vụ tổng hợp (căn tin, giặt sấy,..) | | | | 1,0 | | | 225,6 | | | | |
| | Khu vực chung (hành lang, cầu thang,...) | | | | | | | 1.829,8 | | | | |
| X | 232/6 Võ Thị Sáu, phường 7, quận 3 | 1.749,9 | 1.749,9 | 2.370,2 | | 1.749,9 | 1.749,9 | 2.370,2 | | | | |
| | Phòng nội trú KTX | | | | 32,0 | | | 687,2 | | | | |
| | Phòng làm việc | | | | 11,0 | | | 251,0 | | | | |
| | Phòng họp | | | | 1,0 | | | 50,0 | | | | |
| | Phòng học | | | | 5,0 | | | 419,5 | | | | |
| | Khu vực chung (hành lang, cầu thang,...) | | | | | | | 962,5 | | | | |
| XI | 144 Phạm Đức Sơn, phường 16, quận 8 | 11.773,2 | 10.383,0 | 10.383,0 | | 11.773,2 | 10.383,0 | 10.383,0 | | | | |
| | Phòng làm việc | | | | 2,0 | | | 69,6 | | | | |
| | Khu giáo dục thể chất | | | | 1,0 | | | 10.313,4 | | | | |

| STT | Danh mục công trình, hạng mục công trình | Quy hoạch đang trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt | | | Hiện trạng cơ sở vật chất/đang đầu tư xây dựng | | | | Kế hoạch đầu tư dự kiến giai đoạn 2026-2030 | | | Ghi chú |
|----------|--|---|-----------------------------|-----------------------------|--|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|---|-----------------------------|-----------------------------|--|
| | | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Số lượng Phòng học/hội trường | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | |
| | Khu vực chung (hành lang, cầu thang,...) | | | | | | | | | | | |
| B | Phân hiệu Tại Vĩnh Long | | | | | | | | | | | |
| 1 | 01B Nguyễn Trung Trực, phường 8, thành phố Vĩnh Long. | 15.001,0 | 15.001,0 | 21.041,0 | | 15.001,0 | 15.001,0 | 21.041,0 | | | | |
| | Phòng làm việc | | | | 26,0 | | | 1.224,0 | | | | |
| | Phòng học | | | | 25,0 | | | 2.742,0 | | | | |
| | Hội trường | | | | 4 | | | 1.176,0 | | | | |
| | Thư viện | | | | 1 | | | 240,0 | | | | |
| | Phòng nội trú KTX | | | | 71 | | | 3.580,0 | | | | |
| | Khu vực chung (hành lang, cầu thang,...) | | | | | | | 15.659,0 | | | | |
| 2 | Cơ sở 2 tại xã Phước Hậu, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long | 14.340,0 | 5.736,0 | 5.084,7 | | | | 5.084,7 | | | | Đã có quy hoạch được duyệt, đang đầu tư |

| STT | Danh mục công trình, hạng mục công trình | Quy hoạch đang trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt | | | Hiện trạng cơ sở vật chất/đang đầu tư xây dựng | | | | Kế hoạch đầu tư dự kiến giai đoạn 2026-2030 | | | Ghi chú |
|-----|--|---|-----------------------------|-----------------------------|--|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|---|-----------------------------|-----------------------------|---|
| | | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Số lượng Phòng học/hội trường | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | |
| | | | | | | | | | | | | xây dựng |
| | Phòng làm việc | | | | | 4 | | 167,4 | | | | |
| | Phòng học | | | | | 8 | | 823,4 | 582 | | | |
| | Hội trường | | | | | 1 | | 240,9 | | | | |
| | Thư viện | | | | | | | 162,7 | | | | |
| | Phòng nội trú KTX | | | | | 32 | | 908,5 | | | | |
| | Khu giáo dục thể chất | | | | | | | 1.037,2 | | | | |
| | Khu vực để xe sinh viên | | | | | | | 296,0 | | | | |
| | Khu vực chung (hành lang, cầu thang,...) | | | | | | | 1.448,6 | | | | |
| C | Cơ sở Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa | 21.014 | 3757 | 14118 | | | | 14.118,0 | | | | Đã có quy hoạch được duyệt, đang đầu tư |

| STT | Danh mục công trình, hạng mục công trình | Quy hoạch đang trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt | | | Hiện trạng cơ sở vật chất/đang đầu tư xây dựng | | | | Kế hoạch đầu tư dự kiến giai đoạn 2026-2030 | | | Ghi chú |
|-----|--|---|-----------------------------|-----------------------------|--|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|---|-----------------------------|-----------------------------|----------|
| | | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Số lượng Phòng học/hội trường | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | Tổng diện tích đất | Tổng diện tích đất xây dựng | Tổng diện tích sàn xây dựng | |
| | | | | | | | | | | | | xây dựng |
| | Phòng học | | | | 15 | 1.073 | 1.073 | 1.627,8 | | | | |
| | Phòng làm việc | | | | 12 | 637 | 637 | 480,0 | 168 | | | |
| | Khu vực KTX | | | | 85 | 894 | 894 | 3.825,0 | 83 | | | |
| | Khu giáo dục thể chất | | | | 1 | 1.153 | 1.153 | 1.365,0 | | | | |
| | Khu vực chung (hành lang, cầu thang,...) | | | | | | | 6.820,2 | | | | |



Phụ lục 2

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Đơn vị báo cáo: Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.....

Đơn vị: Triệu đồng

| TT | Danh mục dự án | Mã dự án | Nhóm dự án | Địa điểm XD | Năng lực thiết kế | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư | | Giai đoạn 2021-2025 | | | | | | | | Ghi chú |
|--------------------------|--|----------|------------|---------------------------------|--|-----------------|---|--------------------------------|---------------------|--------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|--------------------------------|----------------|----|---------|
| | | | | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT | | Kế hoạch | | Giải ngân năm 2021, 2022, 2023 | | Giải ngân năm 2024 | | | |
| | | | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: NSTW | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | |
| TỔNG SỐ | | | | | | | | 39.255 | 39.255 | 39.255 | 39.255 | 575 | 575 | 38.680 | 38.680 | | |
| LĨNH VỰC GIÁO DỤC | | | | | | | | 39.255 | 39.255 | 39.255 | 39.255 | 575 | 575 | 38.680 | 38.680 | | |
| 1 | Dự án thành phần 04 "Đầu tư trang thiết bị ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số và xây dựng khóa học trực tuyến phục vụ đào tạo trình độ đại học, nhóm ngành kinh doanh và quản lý" | | B | Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh | Đầu tư trang thiết bị 24 phòng học thông minh phục vụ chuyển đổi số; Đầu tư trang thiết bị 02 phòng studio phục vụ xây dựng học liệu số; Xây dựng 15 học liệu điện tử, khóa học trực tuyến dùng chung trình độ đại học, nhóm ngành kinh doanh và quản lý | 2022-2024 | 1534/QĐ-BGDĐT ngày 23/05/2023 | 39.255 | 39.255 | 39.255 | 39.255 | 575 | 575 | 38.680 | 38.680 | | |

| TT | Danh mục dự án | Mã dự án (nếu có) | Nhóm dự án | Địa điểm XD | Nội dung thiết kế | Thời gian KC-HT | Quyết định đầu tư | | Giai đoạn 2021-2024 | | | | | | Dự kiến kế hoạch 2025 | | Ghi chú | | |
|----|--|-------------------|------------|---|---|-----------------|---|--------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|---------|-------------------------------------|--|
| | | | | | | | Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành | TMĐT | | Kế hoạch | | Giải ngân năm 2021, 2022, 2023 | | Ước giải ngân năm 2024 | | Dự kiến kế hoạch 2025 | | | |
| | | | | | | | | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | | Trong đó: vốn từ nguồn thu hợp pháp | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | |
| 1 | Dự án Xây dựng cơ sở 2 Phân hiệu Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh tại Vĩnh Long | | | Thửa đất số 229, Tờ bản đồ số 21, Xã Phước Hậu, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long | Quy mô số chỗ học 575 chỗ học/ ca, dự kiến công suất hoạt động 2 ca là 1.000 sinh viên. Quy mô số chỗ lưu trú tối thiểu 250 sinh viên. Quy mô đầu tư xây dựng: - Xây dựng Khối Hiệu bộ - Giảng đường; - Xây dựng Khối thư viện, vườn ươm tài năng; - Xây dựng Khối thể dục thể thao đa năng; - Xây dựng Khối ký túc xá; - Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật: đường nội bộ, công, hàng rào, cấp thoát nước, hệ thống điện,... và các hạng mục phụ trợ khác | 2024-2026 | 28/QĐ-ĐHKT-HĐT (14/05/2021), | 143.920 | 143.920 | | | | | | | | 25.000 | 25.000 | |



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 (NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN - VỐN TRONG NƯỚC)

Đơn vị: Triệu đồng

Table with columns for project details, investment plan, and financial indicators. Includes rows for 'Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở đào tạo' and 'Đầu tư mua sắm trang thiết bị công nghệ'.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Đơn vị báo cáo: **ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

THUYẾT MINH ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

1. Tên nhiệm vụ, dự án: Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở đào tạo – Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh

2. Cơ sở đề xuất (chính trị, pháp lý, thực tiễn):

Thực hiện chỉ đạo về việc di dời các trường Đại học ra ngoại thành thành phố, Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh xác định trọng tâm đầu tư mở rộng cơ sở vật chất tại cơ sở Đường Nguyễn Văn Linh, Khu chức năng số 15, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh là định hướng cần thiết và ưu tiên trong kế hoạch đầu tư. Để làm được điều này, cần đầu tư hoàn chỉnh các công trình theo quy hoạch được duyệt trong tổng thể cơ sở nhằm đảm bảo phục vụ đầy đủ nhu cầu học tập, lưu trú của sinh viên, giảng dạy, làm việc của viên chức, giảng viên và hướng đến một đại học xanh, thân thiện môi trường. Do đó, từ nay đến 2030, Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh xác định cần đầu tư các hạng mục như sau: Khối Giảng đường với diện tích sàn 17.366m², Khối nhà nghiên cứu đào tạo với diện tích sàn 17.488m², Khối nhà Thư viện với diện tích sàn 4.507m², khối nhà ký túc xá số 3 với diện tích sàn là 28.285m² và hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ chung, hệ thống thiết bị phục vụ hoạt động

3. Mục tiêu, nội dung, quy mô, hình thức đầu tư:

Mục tiêu: Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trong tổng thể khuôn viên đã được phê duyệt quy hoạch của Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh

Quy mô đầu tư:

Quy mô đầu tư đáp ứng 2500 sinh viên/ca học và 1200 sinh viên nội trú. Chi tiết:

- Xây dựng Khối nghiên cứu đào tạo: Quy mô 5 tầng, diện tích xây dựng 4.386m², tổng diện tích sàn khối nhà là 17.488m², chiều cao đến mái công trình là 19m.
- Xây dựng Khối thư viện: Quy mô 4 tầng, diện tích xây dựng 1.684,4m², tổng diện tích sàn khối nhà là 4.506,56m², chiều cao đến mái công trình là 19,5m.
- Xây dựng Khối giảng đường 2: Quy mô 5 tầng, diện tích xây dựng 8.351m², tổng diện tích sàn khối nhà là 23.168m², chiều cao đến mái công trình là 23,5m.
- Xây dựng KTX 3: Quy mô 10 tầng, diện tích xây dựng 4,111,5m², tổng diện tích sàn khối nhà là 28.285m², chiều cao đến mái công trình là 36,7m.
- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm: San nền, Kè rạch, đường giao thông nội bộ, hệ thống tường rào bao quanh trường, nhà bảo vệ...
- Đầu tư hệ thống thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, nội thất văn phòng làm việc và các thiết bị phục vụ khác

4. Tổng mức đầu tư dự kiến, cơ cấu nguồn vốn (chi tiết vốn từ nguồn thu hợp pháp để lại đầu tư, vốn NSNN, vốn khác): 1.032.446.086.000 đồng

Trong đó:

- + Nguồn vốn từ NSNN: 825.956.868.800 đồng chiếm 80%
- + Nguồn vốn từ nguồn thu hợp pháp của Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh: 206.489.217.200 đồng (chiếm 20%)

5. Kết quả đạt được (dự kiến):

- Xây dựng Khối nghiên cứu đào tạo: Quy mô 5 tầng, diện tích xây dựng 4.386m², tổng diện tích sàn khối nhà là 17.488m², chiều cao đến mái công trình là 19m.
- Xây dựng Khối thư viện: Quy mô 4 tầng, diện tích xây dựng 1.684,4m², tổng diện tích sàn khối nhà là 4.506,56m², chiều cao đến mái công trình là 19,5m.
- Xây dựng Khối giảng đường 2: Quy mô 5 tầng, diện tích xây dựng 8.351m², tổng diện tích sàn khối nhà là 23.168m², chiều cao đến mái công trình là 23,5m.
- Xây dựng KTX 3: Quy mô 10 tầng, diện tích xây dựng 4,111,5m², tổng diện tích sàn khối nhà là 28.285m², chiều cao đến mái công trình là 36,7m.
- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm: San nền, Kè rạch, đường giao thông nội bộ, hệ thống tường rào bao quanh trường, nhà bảo vệ...
- Đầu tư hệ thống thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, nội thất văn phòng làm việc và các thiết bị phục vụ khác

6. Điều kiện thực hiện (mặt bằng; quy hoạch; các điều kiện chuẩn bị đầu tư; năng lực quản lý, triển khai;...):
Vị trí đầu tư dự án là địa điểm thuộc Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh. Mặt bằng thực hiện dự đã sẵn sàng và đã có quy chi tiết 1/500 được phê duyệt
Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh đủ năng lực tổ chức triển khai dự án theo quy định

7. Phương án triển khai (trong trường hợp được bố trí kế hoạch):

Từ năm 2025 bắt đầu công tác chuẩn bị đầu tư nhằm thực hiện dự án đúng kế hoạch. Kế hoạch triển khai chi tiết như sau:

- + Thời gian thực hiện chuẩn bị đầu tư: 18 tháng (2025-2026)
- + Thời gian thực hiện dự án: 48 tháng (2026-2030)
- + Thời gian nghiệm thu hoàn thành, quyết toán hoàn thành dự án đầu tư: 3 tháng (năm 2030)

8. Khó khăn, vướng mắc (nếu có) và giải pháp:.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

PHÓ GIÁM ĐỐC



NGUYỄN KHẮC QUỐC BẢO

Phụ lục 09

THUYẾT MINH ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ, DỰ ÁN

1. Tên nhiệm vụ, dự án: Đầu tư mua sắm trang thiết bị công nghệ

2. Cơ sở đề xuất (chính trị, pháp lý, thực tiễn):

Với định hướng phát triển cơ sở vật chất hiện đại, thông minh và phục vụ các chương trình đào tạo các khối ngành công nghệ, Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh định hướng đầu tư Đầu tư thiết bị xây dựng phòng học thông minh và Đầu tư thiết bị các phòng thí nghiệm, thực hành thuộc các khối ngành công nghệ phục vụ đào tạo các chương trình đào tạo.

Hiện nay, Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đào tạo các chuyên thuộc lĩnh vực công nghệ, kiến trúc, đổi mới sáng tạo và đã tạo được uy tín, chất lượng và sức hút. Do đó việc đầu tư thiết bị phục vụ đào tạo khối ngành công nghệ này là cần thiết

3. Mục tiêu, nội dung, quy mô, hình thức đầu tư:

Mục tiêu: Đầu tư thiết bị các phòng thí nghiệm, thực hành thuộc các khối ngành công nghệ phục vụ đào tạo các chương trình đào tạo

Quy mô đầu tư:

- Đầu tư trang thiết bị 100 phòng học thông minh
- Thiết bị xây dựng phòng thí nghiệm, thực hành tự động hóa, Robot, AI và Công nghệ bán dẫn
- + Phòng thí nghiệm điều khiển thông minh và tự động hóa
- + Phòng thí nghiệm công nghệ bán dẫn
- Thiết bị xây dựng phòng mô phỏng, thí nghiệm thuộc lĩnh vực công nghệ đổi mới sáng tạo
- + Phòng thí nghiệm mô phỏng không gian thành phố
- + Khu thí nghiệm phương tiện không người lái và cảm biến IoT đường phố
- + Phòng thí nghiệm giả lập khí hậu, môi trường và phát thải
- + Phòng thí nghiệm giao tiếp và trực quan hóa đổi mới sáng tạo.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến, cơ cấu nguồn vốn (chi tiết vốn từ nguồn thu hợp pháp để lại đầu tư, vốn NSNN, vốn khác): 162.025.733.800 đồng

Trong đó:

- + Nguồn vốn từ NSNN: 129.620.587.040 đồng chiếm 80%)
- + Nguồn vốn từ nguồn thu hợp pháp của Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh: 32.405.146.760 đồng (chiếm 20%)

5. Kết quả đạt được (dự kiến):

- Đầu tư trang thiết bị 100 phòng học thông minh
- Thiết bị xây dựng phòng thí nghiệm, thực hành tự động hóa, Robot, AI và Công nghệ bán dẫn
- + Phòng thí nghiệm điều khiển thông minh và tự động hóa
- + Phòng thí nghiệm công nghệ bán dẫn
- Thiết bị xây dựng phòng mô phỏng, thí nghiệm thuộc lĩnh vực công nghệ đổi mới sáng tạo
- + Phòng thí nghiệm mô phỏng không gian thành phố
- + Khu thí nghiệm phương tiện không người lái và cảm biến IoT đường phố
- + Phòng thí nghiệm giả lập khí hậu, môi trường và phát thải
- + Phòng thí nghiệm giao tiếp và trực quan hóa đổi mới sáng tạo.

6. Điều kiện thực hiện (mặt bằng; quy hoạch; các điều kiện chuẩn bị đầu tư; năng lực quản lý, triển khai;...):

Vị trí đầu tư dự án là địa điểm thuộc Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh. Mặt bằng thực hiện dự án đã sẵn sàng và đã có quy chi tiết 1/500 được phê duyệt

Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh đủ năng lực tổ chức triển khai dự án theo quy định

7. Phương án triển khai (trong trường hợp được bố trí kế hoạch):

Từ năm 2025 bắt đầu công tác chuẩn bị đầu tư nhằm thực hiện dự án đúng kế hoạch. Kế hoạch triển khai chi tiết như sau:

+ Thời gian thực hiện chuẩn bị đầu tư: 12 tháng (2025)

+ Thời gian thực hiện dự án: 18 tháng (2026-2027)

+ Thời gian nghiệm thu hoàn thành, quyết toán hoàn thành dự án đầu tư: 3 tháng (năm 2027)

8. Khó khăn, vướng mắc (nếu có) và giải pháp:.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

PHÓ GIÁM ĐỐC



NGUYỄN KHẮC QUỐC BẢO